

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2024/DSPT
Ngày: 28/3/2024
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Sơn.

Các Thẩm phán: Ông Ngô Xuân Ninh.

Ông Đỗ Thế Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2023/TLPT-DS ngày 11/10/2023 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2023/DS-ST ngày 18/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện G bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2023/QĐ-PT, ngày 06/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1963 (Có mặt).

Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1964 (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1968 (Có mặt).

Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1971 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: thôn P, xã Q, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Phía nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị H1 trình bày:

Vợ chồng ông bà và vợ chồng ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị H2 là hàng xóm liền kề. Năm 1993 hai bên cùng được hợp tác xã thôn bán cho thửa đất có diện tích như nhau là 240m². Thửa đất của ông bà có tứ cận như sau: cạnh Đông giáp đất nhà ông Hạnh, cạnh Tây giáp đường làng, cạnh Nam giáp đường ra cánh đồng, cạnh Bắc giáp đất nhà ông K. Sau khi mua được đất, năm 1995, vợ chồng ông bà xây nhà, sân và các công trình phụ trên diện tích đất đã mua và sinh sống

tại thửa đất này. Ngôi nhà được xây tại cạnh phía Bắc của thửa đất, móng xây hết đất, tường bao phía trên được xây thụt vào, trên tường ông bà còn đồ hai mi cửa sổ rộng 38cm. Ngôi nhà này hiện vợ chồng ông bà vẫn đang ở và còn nguyên hiện trạng. Năm 1998, gia đình ông bà mua thêm khoảng 50m² lạch mương tiếp giáp cạnh Đông của thửa đất, chiều dài bằng với chiều dài cạnh Đông thửa đất, chiều rộng khoảng 3m. Ngoài ra, trong quá trình sử dụng gia đình ông bà còn lấn thêm một phần đất tại vị trí tiếp giáp đường phía Nam của thửa đất. Từ đó, gia đình ông bà mới có thửa đất như hiện nay. Vợ chồng ông K cũng xây dựng công trình trên thửa đất mua cùng thời điểm với ông bà. Hai bên sống với nhau hòa thuận tình cảm, thân thiết, không có tranh chấp gì cho đến năm 2016.

Năm 2002, thực hiện chủ trương chung của nhà nước thì thửa đất của ông bà và ông K cùng được UBND huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất của ông bà là thửa số 59, tờ bản đồ số 33, diện tích 282m². Tại phiên tòa ông bà xác định diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà gia đình ông bà được cấp không đúng với diện tích gia đình ông bà đã mua là 290m². Ông bà không hề ký vào các giấy tờ liên quan đến thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất nêu trên. Việc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông bà khi nào và thời điểm nào gia đình ông bà không biết. Chỉ khi cán bộ xã mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giao cho gia đình ông bà thì ông bà mới biết diện tích đất ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 282m². Từ đó đến nay vợ chồng ông bà không có khiếu nại, không yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho gia đình ông bà. Ông bà không yêu cầu Tòa án đi giám định chữ viết, chữ ký và ông bà cũng không tự đi giám định chữ viết và chữ ký trong các tài liệu làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông bà. Ông bà vẫn sử dụng thửa đất ổn định từ khi mua đến năm 2016, không tranh chấp với ai.

Năm 2016, khi ông K xây nhà như hiện nay thì hai bên mới phát sinh tranh chấp. Vợ chồng ông K khởi kiện ông bà cho rằng ông bà lấn chiếm của vợ chồng ông K 6,6m² đất. Tòa án các cấp đã xét xử nhiều lần nhưng chưa đến kết quả cuối cùng, chưa xác định 6,6m² đất thuộc quyền sở hữu của ai. Nay ông bà khởi kiện đề nghị Tòa án xác định 6,6m² đất thuộc quyền sử dụng của ông bà. Năm 1995, gia đình ông bà xây nhà đã xây móng hết thửa đất, phần trên tường xây thụt vào, phía trên tường đồ 02 mi của sổ rộng 38cm. Do vậy ông bà xác định 6,6m² đất hiện đang tranh chấp thuộc thửa đất số 59 của ông bà và thuộc quyền sử dụng của ông bà. Theo kết quả đo đạc mới nhất ngày 17/3/2023 diện tích tranh chấp là 5,9m². Tòa án cũng tiến hành xem xét thẩm định cho đào để xác định móng nhà ông bà đã xây dựng từ năm 1995. Ông bà xác định ranh giới giữa hai thửa đất số 59 và 60 là tính từ móng đá nhà ông bà mà Tòa án đào được ở cạnh Tây kéo dọc hết thửa đất nhà ông bà về cạnh Đông. Trường hợp xác định diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sở hữu của ông bà thì ông bà yêu cầu ông K, bà H2 phải tháo dỡ toàn bộ các công trình xây trên phần đất tranh chấp để trả đất cho ông bà. Tại phiên tòa, ông bà đề nghị Tòa án xác định phần diện tích có tranh chấp là 6,6m² theo kết quả đo đạc trước, ông bà không đồng ý diện tích tranh chấp là 5,9m².

Tại phiên tòa ông bà cũng đề nghị hủy giấy chứng nhận thửa đất số 60 nhưng không đưa ra được căn cứ tài liệu gì để chứng minh mà chỉ có lời trình bày.

Ngoài ra, tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hộ gia đình ông bà gồm có vợ chồng ông bà và các con gồm: Nguyễn Văn Hùng, sinh năm 1982, hiện đang là giáo viên Trường dân tộc nội trú huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng; Nguyễn Đức Bình, sinh năm 1991 đã tách khẩu; Nguyễn Thị Hoa, sinh ngày 15/9/2006, hiện đang sống cùng vợ chồng ông bà; Nguyễn Thị Phương, sinh năm 1994 (đã mất), chưa lập gia đình, chưa có con. Các con của ông bà không có công sức đóng góp gì trong việc tôn tạo cũng như việc duy trì, làm tăng giá trị thửa đất nêu trên, đồng thời do anh Bình, anh Hùng từ chối tham gia tố tụng. Vì vậy, ông bà đề nghị Tòa án không đưa anh Bình, anh Hùng, chị Hoa tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Phía bị đơn là ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị H2 trình bày:

Vợ chồng ông bà và vợ chồng ông H là hàng xóm với nhau từ năm 1993, hai bên sống hòa thuận, tình cảm. Năm 1993 gia đình ông bà mua của thôn P, xã Q, huyện G 01 thửa đất có diện tích 240m², tứ cận như sau: cạnh Bắc giáp thửa đất của ông Nguyễn Văn Huyền dài 19m, cạnh Nam giáp với thửa đất của ông Nguyễn Văn H dài 19m, cạnh Tây giáp đường thôn dài 12,5m, cạnh Đông giáp với ruộng lúa dài 13m, việc mua bán đất với thôn có giấy tờ viết tay. Cùng năm đó, gia đình ông bà xây nhà cấp 4 ba gian mặt hướng Tây Nam giáp đất nhà ông Huyền. Phần đất phía Nam thửa đất giáp với thửa của vợ chồng ông H gia đình ông bà trồng chuối. Năm 1996 – 1997 ông bà làm xưởng gỗ trên phần đất giáp ranh với nhà ông H, hai bên không có tranh chấp gì.

Năm 1998, gia đình ông bà mua thêm 50m² lạch mương tiếp giáp cạnh Đông của thửa đất. Việc mua bán đất với thôn có giấy tờ viết tay, khi mua hai bên chỉ ấn chừng là 50m² chứ không xác định diện tích, tứ cận cụ thể, không có việc giao mô mốc, ranh giới đất. Như vậy tổng diện tích đất gia đình ông bà mua của thôn P là 294m². Ngày 01/3/2002 UBND huyện G cấp cho gia đình ông bà Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V428648 mang tên hộ ông Nguyễn Văn K đối với thửa đất số 60, tờ bản đồ số 33, diện tích 294m² bao gồm diện tích đất mua năm 1993 và 1998. Từ sau khi mua đất xong năm 1993, ông bà ở ổn định trên đất, không tranh chấp với ai, không tranh chấp mô mốc, ranh giới với ông H. Tại phiên tòa ông K trình bày trước thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông K có đòi cho ông Nguyễn Văn Huyền 50cm ở cạnh Tây thửa đất của mình để lấy 50cm ở cạnh Đông thửa đất của ông Huyền. Chính vì vậy khi cấp giấy chứng nhận thì cạnh Tây thửa đất của ông K còn lại là 12,0 m mà không phải là 12,5m, cạnh Đông tăng lên thành 13,68m mà không phải là 13m như giấy mua của thôn ngày 10/3/1993.

Năm 2016, gia đình ông bà dỡ toàn bộ các công trình cũ trên đất để xây nhà mới. Khi xây nhà ông bà xây trong phần diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận chứ không xây lấn đất của bất kỳ ai, thời điểm xây nhà cũng không tranh chấp với ai. Sau khi xây dựng xong ngôi nhà, ông bà thuê ông H lợp mái tôn chống nóng trên tầng 2 thì mới phát sinh tranh chấp. Ông H cho rằng văng mái tầng 2 nhà ông bà đưa sang phần đất nhà ông H. Thôn, xã đã giải quyết hòa giải nhiều lần nhưng không được. Tòa án các cấp cũng giải quyết nhiều lần, đến tháng 9/2021 Tòa án

cấp phúc thẩm tỉnh Bắc Ninh giải quyết, hai bên đã rút đơn khởi kiện, rút đơn kháng cáo về sinh sống ổn định, quản lý, sử dụng đất theo hiện trạng. Nay vợ chồng ông H khởi kiện yêu cầu ông bà trả lại đất theo hiện trạng móng đá nhà ông H đã tồn tại từ năm 1995 đến nay ông bà không nhất trí. Vì ông bà sử dụng đất đúng mô thức và diện tích theo Giấy chứng nhận đã được cấp từ năm 2002. Trường hợp Tòa án xác định phần diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông bà thì yêu cầu vợ chồng ông H phải tháo dỡ toàn bộ công trình, tài sản trên đất. Trường hợp không tháo dỡ thì vợ chồng ông H phải trích trả bằng tiền theo giá thỏa thuận của hai bên.

Ngoài ra tại thời điểm mua đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 60 tờ bản đồ 33 diện tích 294m², thì gia đình ông bà gồm có vợ chồng ông bà và các con gồm: chị Nguyễn Thị Liên, sinh năm 1990, anh Nguyễn Văn Cường, sinh năm 1992. Tuy nhiên ông bà xác định, khi mua đất thì tiền mua đất là của hai vợ chồng ông bà, các con là anh Cường và chị Liên còn nhỏ, sống phụ thuộc bố mẹ, không có công sức đóng góp, tôn tạo gì nên thửa đất trên là tài sản chung của vợ chồng ông bà, đồng thời do anh Cường, chị Liên đều từ chối tham gia tố tụng. Vì vậy, ông bà đề nghị Tòa án không đưa chị Liên và anh Cường tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Theo tài liệu thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án từ năm 2017 đến năm 2021 thể hiện:

- Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, UBND huyện G trình bày:...

Năm 2001, trên cơ sở kết quả đo đạc bản đồ địa chính, UBND xã Q có tổ chức cho các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất ở trên địa bàn thực hiện việc kê khai xin đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có hộ ông: Nguyễn Văn K và hộ ông Nguyễn Văn H. Sau đó, Hội đồng đăng ký đất đai của xã Q đã tổ chức xét duyệt; kết quả xét duyệt được niêm yết công khai. Đối với những trường hợp không có kiến nghị, khiếu nại kết quả xét duyệt thì UBND xã Q lập hồ sơ trình UBND huyện G quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ, trong đó hộ ông Nguyễn Văn K được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 60, tờ bản đồ 33, diện tích 294m²; hộ ông Nguyễn Văn H được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất 59 tờ bản đồ 33, diện tích 282m². Trình tự, thủ tục kê khai, đăng ký xét duyệt, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Tổng cục địa chính tại Thông tư 346 ngày 16/3/1998. Từ khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên đến hết năm 2016, UBND huyện, phòng TNMT huyện không nhận đơn thư tranh chấp, khiếu nại nào liên quan đến việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông K, ông H.

- Những người làm chứng trình bày:

+ Người làm chứng là bà Nguyễn Thị Bao (bà Bao được ông Huyền ủy quyền) xác nhận có việc ông K và ông Huyền đổi đất cho nhau như lời trình bày của ông K. Sau khi đổi xong hai bên sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai, không tranh chấp với nhau về diện tích, ranh giới.

+ Những người làm chứng là ông Nguyễn Văn Hạnh, bà Đinh Thị Lê, ông Nguyễn Văn Hồng là những người có thửa đất giáp ranh với thửa đất hộ ông Nguyễn Văn K và ông Nguyễn Văn H đều xác nhận phần diện tích các gia đình đã mua được sử dụng ổn định, được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và từ trước đến nay không có tranh chấp gì về giáp ranh xung quanh thửa đất với thửa của hộ ông K và ông H.

+ Ông Nguyễn Văn Ngọ nguyên là chủ nhiệm Hợp tác xã Phú Đậu (nay là thôn P): Xác nhận năm 1993 thôn P có bán đất cho các hộ trong thôn, trong đó có ông Huyền, ông K, ông H và nhiều hộ khác, phần diện tích bán cho các hộ là khác nhau và nhỏ dần về phía trong (nhỏ dần về phía nhà ông H). Ông chỉ nhớ là khi bán đất thôn có viết giấy cho các hộ dân, ai mua diện tích bao nhiêu thể hiện rõ trong giấy, tuy nhiên có viết giấy cho tất cả các hộ mua đất hay không thì ông không nhớ. Nếu viết giấy bán thì thôn cũng trả cho các hộ. Hiện tại thôn không còn giữ giấy tờ gì liên quan đến việc bán đất cho các hộ năm 1993. Sau khi mua đất thôn có tiến hành giao giao đất cho các hộ bằng hình thức chằng dây kẽm sào, các hộ mua đất đều đã được cấp giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Ngoài ra ông không còn biết gì khác liên quan đến việc bán đất của thôn P năm 1993.

+ Ông Nguyễn Văn Luyên làm kế toán Hợp tác xã thôn Phú Đậu (nay là thôn P) tại thời điểm gia đình ông K và gia đình ông H mua đất, ông Luyên xác định: Gia đình ông K và gia đình ông H ban đầu đều mua 240m² đất tại thôn P, xã Q, huyện G, tỉnh Bắc Ninh; sau đó có mua thêm 500.000 đồng là tiền lách mương thẳng từ đất xuống. Việc mua bán lách mương chỉ viết phiếu thu tiền chứ không làm thủ tục giao đất, không đo đạc thực tế.

Tòa án đã tiến hành làm việc với UBND xã Q và Chi cục thuế khu vực Gia Thuận để xác minh về việc đóng thuế trước thời điểm được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Văn K và hộ ông Nguyễn Văn H đối với thửa đất số 60, tờ bản đồ số 33, diện tích 294m² và thửa đất số 59, tờ bản đồ số 33, diện tích 282m²

Tại UBND xã Q thì không còn lưu trữ hồ sơ liên quan đến việc đóng thuế mà toàn bộ hồ sơ đã được chuyển đến Chi cục thuế Gia Thuận; tại Chi cục thuế Gia Thuận có bộ thuế nhà đất năm 1994 có thông tin liên quan nhưng có nhiều hộ mang tên Nguyễn Văn K và nhiều hộ mang tên Nguyễn Văn H, nên không thể xác định được cụ thể hộ ông K và ông H trong vụ tranh chấp trên đã đóng thuế nhà đất là bao nhiêu.

Tại biên bản xác minh với UBND xã Q ngày 01/9/2017 xác định: Về trình tự, thủ tục và xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 59, 60, 61, 44 tờ bản đồ số 33 tại thôn P, xã Q được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục luật định.

UBND xã đã giao nộp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến trình tự, thủ tục lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 04 thửa đất giáp ranh và liền kề nhau, gồm: thửa đất số 60, tờ bản đồ số 33, diện tích 294m² của hộ ông Nguyễn Văn K; thửa đất số 59, tờ bản đồ số 33 diện tích 282m² của hộ ông Nguyễn Văn H; thửa đất số 44, diện tích 315m² của hộ ông Nguyễn Văn Huyền;

thửa đất số 61 tờ bản đồ số 33 diện tích 359m² của hộ ông Nguyễn Văn Hạnh ở thôn P, xã Q, huyện G, tỉnh Bắc Ninh, theo yêu cầu của Tòa án. Tại thời điểm kê khai năm 2001-2002 các hộ trên đều có đăng ký kê khai và được phê duyệt đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ đó đến nay giữa các thửa đất trên không có thay đổi, biến động gì; các hộ không có tranh chấp, khiếu kiện gì liên quan đến các thửa đất đã được cấp.

Ngày 17/3/2023, Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ. Khi xem xét thẩm định tại chỗ, Tòa án đã tiến hành đào tại vị trí tranh chấp để xác định móng ngôi nhà của ông H được xây dựng năm 1995. Quá trình đào xác định có móng đá dưới lòng đất tại vị trí đất tranh chấp. Tại vị trí hố đào thứ nhất ở điểm đầu là cạnh Tây 02 thửa đất có 01 móng đá do gia đình ông H xây tính từ tường hồi nhà ông H sang phía đất nhà ông K rộng 39cm, tường móng nhà ông K xây dựng trên phần móng thẳng đứng không đua sang phần đất tranh chấp về phía nhà ông H. Tại vị trí hố đào thứ 2 có một móng đá do gia đình ông H xây dựng tính từ bờ tường hồi nhà ông H sang phía đất nhà ông K rộng 39cm, tại điểm này tường móng nhà ông K xây tiếp giáp với móng đá. Hai hố đào rộng 01m và sâu 1,2m. Xác định diện tích đất tranh chấp là 5,9m².

Với nội dung trên, bản án sơ thẩm Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39; 91, 92, 147, 155, 165, 166, 217, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 115; Điều 158, Điều 163, 164, 166, 169, Điều 175, Điều 176 Bộ luật dân sự; Căn cứ Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Căn cứ Điều 25, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị H2 phải trả lại 5,9m² đất thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 33 tại thôn P, xã Q, huyện G, tỉnh Bắc Ninh mang tên hộ ông Nguyễn Văn K.

Xác định 5,9m² đất thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 33 tại thôn P, xã Q, huyện G, tỉnh Bắc Ninh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị H2 thuộc quyền sở hữu của ông K, bà Nguyễn Thị H2.

2. Ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị H1 có nghĩa vụ cắt bỏ phần mái tôn lợp trên công trình phụ nhà ông H đưa sang thửa đất số 60 có chiều rộng là 19cm ở vị trí số 5 và hẹp dần về vị trí số 6 còn lại là 1,5cm và chiều dài là 11,27m (từ vị trí 5 đến 6) trên phiếu xác nhận kết quả đo đạc của công ty TNHH đo đạc và bản đồ Kinh Bắc ngày 17/3/2023 kèm theo bản án.

Không buộc ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị H1 phải tháo dỡ phần mi cửa sổ và móng đá xây trên thửa đất số 60. Khi nào ông H, bà Phạm Thị H1 xây dựng nhà mới hoặc công trình khác trên vị trí ngôi nhà này thì tháo dỡ móng và mi cửa sổ trả đất cho ông K, bà Nguyễn Thị H2.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/7/2023, ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị H1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 23/11/2023 ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị H1 không nhất trí với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ trước, đề nghị tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ lại đối với ba thửa đất là thửa đất số 59 hộ ông Nguyễn Văn H, thửa đất số 60 hộ ông Nguyễn Văn K và thửa đất số 44 hộ ông Nguyễn Văn Huyền, cùng tờ bản đồ số 33, địa chỉ: thôn P, xã Q, huyện G, tỉnh Bắc Ninh. HĐXX đã quyết định tạm ngừng phiên tòa để tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ lại ba thửa đất trên theo yêu cầu của vợ chồng ông H vào ngày 11/12/2023. Kết quả trích đo hiện trạng thửa đất và tài sản trên đất của Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ kỹ thuật tài nguyên và môi trường Bắc Ninh xác định hiện trạng sử dụng đất của hộ ông H và hộ ông K được giới hạn bởi các điểm 5- 15. Như vậy phần đất mà vợ chồng ông H yêu cầu vợ chồng ông K trả lại nằm trong phần diện tích vợ chồng ông H đang quản lý sử dụng hiện nay, trong đó có móng đá tường nhà ông H và mi cửa sổ nhà ông H.

Sau khi có kết quả trích đo hiện trạng thửa đất và tài sản trên đất của ba thửa đất trên, Tòa án đã tiến hành giao cho các đương sự và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh. Không có bên nào có ý kiến hay khiếu nại gì về kết quả trích đo hiện trạng thửa đất ở trên. Sau đó Tòa án đã tiến hành mở phiên tòa để tiếp tục xét xử theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phía bị đơn là ông Nguyễn Văn K nhất trí xác định ranh giới giữa hai thửa đất số 60 của gia đình ông và thửa đất số 59 của gia đình ông Nguyễn Văn H là hiện trạng tường nhà ông đã xây theo kết quả trích đo hiện trạng thửa đất ngày 11/12/2023 của Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ kỹ thuật tài nguyên và môi trường Bắc Ninh, được giới hạn bởi các điểm 5- 15. Đối với mái nhà tầng hai của nhà ông xây dựng năm 2016 liền kề với thửa đất của nhà ông H, do xây dựng ở trên khoảng không nên việc xác định ranh giới không chính xác, do đó một phần mái nhà tầng hai của nhà ông có chồm sang khoảng không gian phía trên thửa đất của nhà ông H một ít, diện tích $0,6 m^2$ như kết quả trích đo hiện trạng thửa đất ngày 11/12/2023 ở trên. Việc này ông xác định là do lỗi khách quan, không cố ý, vì khi đổ xong mái bê tông tầng hai, lúc đó nhà ông với nhà ông H vẫn quan hệ thân thiết, ông còn thuê vợ chồng ông H sang làm mái tôn trên tầng hai cho. Đến khi vợ chồng ông H chèo lên tầng hai làm mái tôn cho nhà ông, thì lúc đó vợ chồng ông H mới xác định là nhà ông làm lấn sang đất nhà ông H, từ đó mới phát sinh tranh chấp cho đến nay. Ông cam kết khi nào nếu nhà ông H làm công trình trên đất mà phần diện tích chồm này gây ảnh hưởng đến công trình nhà ông H, thì ông sẽ phá phần diện tích chồm này đi, hoặc nếu nhà ông sửa nhà trước khi nhà ông H xây dựng thì ông sẽ chủ động phá phần diện tích chồm này đi, hiện nhà ông cũng đã có kế hoạch sửa lại nhà này rồi. Do đó đề nghị Tòa án giữ nguyên ranh giới đất giữa hai nhà là hiện trạng tường nhà ông đã xây dịch vào hẳn phía đất nhà ông so với ranh giới theo bản đồ địa chính.

Vợ chồng ông H không nhất trí quan điểm trên của ông K, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự

kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị H1. Áp dụng khoản 2 Điều 308; 148 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thu nộp, miễn, giảm án phí và lệ phí Tòa án: Sửa Bản án sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 18/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện G: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị H1. Không tuyên buộc ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị H1 có nghĩa vụ cắt bỏ phần mái tôn lợp trên công trình phụ nhà ông H đưa sang thửa đất số 60 có chiều rộng là 19cm và chiều dài là 11,27m. Không buộc ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị H1 phải tháo dỡ phần mi cửa sổ và móng đá xây trên thửa đất số 60. Khi nào ông H, bà Phạm Thị H1 xây dựng nhà mới hoặc công trình khác trên vị trí ngôi nhà này thì tháo dỡ móng và mi cửa sổ trả đất cho ông K, bà Nguyễn Thị H2. Các đương sự không phải án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị H1 nộp trong hạn luật định là kháng cáo hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

Gia đình ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn K là hàng xóm liền kề. Năm 1993 ông H và ông K cùng được hợp tác xã bán cho thửa đất có diện tích như nhau là 240m², sau đó hai gia đình đã xây dựng nhà cửa, các công trình phụ và tân lán thêm diện tích đất. Đến năm 2002 thực hiện chủ trương của nhà nước thì thửa đất của gia đình ông H được UBND huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 59, tờ bản đồ số 33, diện tích 282m² còn thửa đất của gia đình ông K được UBND huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 60, tờ bản đồ số 33, diện tích 294m². Hai gia đình đã sinh sống trên thửa đất từ trước đến năm 2016 không có tranh chấp gì xảy ra. Đến năm 2016, khi ông K xây dựng nhà thì hai bên phát sinh tranh chấp. Tại thời điểm đó ông K khởi kiện cho rằng gia đình ông H đã xây lấn sang phần đất của gia đình ông K là 6,6m². Tòa án các cấp đã xét xử nhiều lần nhưng chưa xác định diện tích 6,6m² thuộc quyền sở hữu của gia đình nào và sau đó ông K đã rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo. Đến nay ông H cho rằng năm 1995 gia đình ông xây nhà đã xây móng hết thửa đất, phần trên tường xây thụt vào, phía trên tường đổ 02 mi cửa sổ rộng 38cm. Do đó vợ chồng ông H khởi kiện đề nghị Tòa án xác định phần diện tích 6,6m² đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông bà. Bản án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị H2 phải trả lại 5,9m² đất thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 33 tại thôn P, xã Q, huyện G, tỉnh Bắc Ninh mang tên hộ ông Nguyễn Văn K. Xác định 5,9m² đất thuộc thửa đất số 60, tờ bản đồ số 33 tại thôn P, xã Q, huyện G, tỉnh Bắc Ninh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Văn K, bà

Nguyễn Thị H2 thuộc quyền sở hữu của ông K, bà Nguyễn Thị H2. Ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị H1 có nghĩa vụ cắt bỏ phần mái tôn lợp trên công trình phụ nhà ông H đưa sang thửa đất số 60 có chiều rộng là 19cm ở vị trí số 5 và hẹp dần về vị trí số 6 còn lại là 1,5cm và chiều dài là 11,27m (từ vị trí 5 đến 6) trên phiếu xác nhận kết quả đo đạc của công ty TNHH đo đạc và bản đồ Kinh Bắc ngày 17/3/2023 kèm theo bản án. Không buộc ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị H1 phải tháo dỡ phần mi cửa sổ và móng đá xây trên thửa đất số 60. Khi nào ông H, bà Phạm Thị H1 xây dựng nhà mới hoặc công trình khác trên vị trí ngôi nhà này thì tháo dỡ móng và mi cửa sổ trả đất cho ông K, bà Nguyễn Thị H2.

Sau khi bản án sơ thẩm xử, ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị H1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Xét kháng cáo của ông H, bà Hà, Hội đồng xét xử thấy:

Về nguồn gốc thửa đất, các đương sự đều xác định thửa đất của nhà ông K và nhà ông H là mua của hợp tác xã thôn P bán cho vào năm 1993, diện tích đều là 240m². Theo lời trình bày của ông H thì sau khi mua thửa đất trên, năm 1995 gia đình ông đã xây nhà, làm sân và các công trình phụ trên diện tích đất này. Ngôi nhà ông xây tại cạnh phía Bắc của thửa đất giáp với đất nhà ông K, móng nhà xây hết đất, tường phía trên được xây thụt vào 39 cm, trên tường ông bà còn đổ hai mi cửa sổ rộng (chia ra) 38cm phía giáp đất nhà ông K. Tại thời điểm đó ông có gọi hàng xóm xung quanh, trong đó có ông K đến để xác định mô mốc thửa đất. Còn theo lời trình bày của ông K thì năm 1993, sau khi mua đất gia đình ông đã xây dựng nhà cấp 4, ba gian mặt hướng Tây nam, còn phần đất phía Nam giáp đất nhà ông H thì nhà ông để trồng chuối. Khi xây nhà gia đình ông và gia đình ông H đều không xác định mô mốc với nhau. Đến năm 1998, hai gia đình cùng mua thêm phần lạch mương phía Đông, chạy thẳng từ phần đất 240m² có chiều rộng khoảng 3m, chiều dài theo thửa đất của từng hộ. Sau đó đến năm 2001, khi nhà nước có chủ trương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, gia đình ông K và gia đình ông H đã làm đơn xin đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại biên bản xác định ranh giới, mốc giới đều có chữ ký xác nhận của ông H và ông K. Ông H cho rằng ông không được ký vào các biên bản xác định ranh giới mốc giới, cũng như ông không làm đơn xin đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc này là do địa phương thôn, xã tự làm, đến khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mới báo ông ra nhận. Từ khi nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nay ông cũng không có khiếu kiện gì về thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vì ông vẫn sử dụng ổn định từ khi mua đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích cho vợ chồng ông H về việc trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký của ông trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 59 ở trên, nhưng vợ chồng ông H không yêu cầu. Năm 2002 hộ ông H, hộ ông K đều được UBND huyện G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng ngày 01/3/2002. Thửa đất hộ ông H có số thửa 59, diện tích 282 m², thửa đất hộ ông K có số thửa 60, diện tích 294 m², đều thuộc tờ bản đồ số 33, địa chỉ: thôn P, xã Q, huyện G, tỉnh Bắc Ninh. Hai bên đều sử dụng đất ổn định từ đó đến năm 2016 không xảy ra tranh chấp gì, năm 2016 khi nhà ông K làm nhà hai tầng như hiện nay thì mới xảy ra tranh chấp.

Xét về hiện trạng sử dụng đất phần ranh giới giữa hai thửa đất của hộ ông H và hộ ông K ở trên, theo kết quả trích đo hiện trạng thửa đất ngày 11/12/2023 của Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ kỹ thuật tài nguyên và môi trường Bắc Ninh mà các bên đã được biết và không có ý kiến khiếu nại gì, thể hiện:

Hiện trạng nhà ông H so với bản đồ địa chính: Chỉ có phần mi cửa sổ tầng 1 chồm sang ranh giới nhà ông K 0,02 m, với diện tích chồm sang là $0,03 \text{ m}^2$, mi cửa sổ tầng 2 chồm sang ranh giới nhà ông K ở phía Tây là 0,03 m, ở phía Đông là 0,05 m, với diện tích chồm sang là $0,05 \text{ m}^2$.

Hiện trạng tường nhà ông K xây so với bản đồ địa chính: Được xác định bởi các điểm 5-15, như vậy tường nhà ông K xây ở phía Tây đã thụt vào phía đất nhà ông K là $1,7 \text{ m}^2$, còn ở phía Đông thì chồm sang đất nhà ông H là $0,15 \text{ m}^2$. Do đó đất nhà ông K sử dụng còn thiếu so với bản đồ địa chính là $1,55 \text{ m}^2$.

Hiện trạng nhà ông K làm so với bản đồ địa chính: Thể hiện mái nhà tầng hai nhà ông K làm có chồm sang khoảng không gian đất của nhà ông H ở phía Tây là 0,09 m, ở phía Đông là 0,03m, diện tích chồm sang là $0,6 \text{ m}^2$. Việc này ông K xác định là do lỗi khách quan, không cố ý. Ông K cam kết khi nào nhà ông H xây dựng mà phần diện tích chồm này gây ảnh hưởng đến công trình nhà ông H, thì ông sẽ phá phần diện tích chồm này đi, hoặc nếu nhà ông sửa nhà trước khi nhà ông H xây dựng thì ông sẽ chủ động phá phần diện tích chồm này đi, hiện nhà ông cũng đã có kế hoạch sửa lại nhà này rồi. Xét thấy diện tích chồm này của nhà ông K hiện không ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của nhà ông H, nên cần chấp nhận ý kiến này của ông K.

Ranh giới thửa đất theo ông H chỉ dẫn so với bản đồ địa chính: Được xác định bởi các điểm 4'-15', như vậy diện tích đất hộ ông H xác định còn thiếu so với bản đồ địa chính chỉ là $1,5 \text{ m}^2$, chứ không phải là $5,9 \text{ m}^2$ như vợ chồng ông H yêu cầu. Tuy nhiên đây không phải là do lỗi của vợ chồng ông H, vì vợ chồng ông H căn cứ vào kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/3/2023 của Công ty TNHH đo đạc và bản đồ Kinh Bắc, do Tòa án nhân dân huyện G ký hợp đồng đo đạc trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm.

So sánh diện tích đất hộ ông H xác định còn thiếu so với bản đồ địa chính là $1,5 \text{ m}^2$ với diện tích đất nhà ông K sử dụng còn thiếu so với bản đồ địa chính là $1,55 \text{ m}^2$ ở trên, thì thấy hai diện tích này tương đương gần bằng nhau, chỉ chênh lệch nhau không đáng kể là $0,05 \text{ m}^2$, ông K cũng chấp nhận không yêu cầu gì đối với diện tích này. Mặt khác tường nhà ông K xây so với bản đồ địa chính ở phía Đông có chồm sang đất nhà ông H là $0,15 \text{ m}^2$, nhưng không ảnh hưởng đến công trình xây dựng trên đất của nhà ông H. Nên cần giữ nguyên ranh giới này.

Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện, một phần yêu cầu kháng cáo của vợ chồng ông H, buộc vợ chồng ông K phải trả cho vợ chồng ông H $1,7 \text{ m}^2$ đất ở phía Tây Nam của thửa đất số 60, nhưng vợ chồng ông K được sử dụng diện tích $0,15 \text{ m}^2$ đất ở phía Đông Bắc của thửa đất số 59. (Theo trích đo hiện trạng thửa đất và tài sản trên đất ngày 11/12/2023)

Đối với bức tường nhà ông K xây ở phía Tây Nam thửa đất, giáp ranh với nhà ông H, thể hiện trong trích đo hiện trạng thửa đất và tài sản trên đất ngày 11/12/2023 được xác định bởi các điểm 3-4-5, theo phân tích và xác định ở trên thì

bức tường này nằm trong đất của vợ chồng ông H, nên buộc vợ chồng ông K phải phá dỡ bức tường này đi để trả lại đất cho vợ chồng ông H.

Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông H đối với thửa đất số 60, HĐXX xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, vợ chồng ông H mới đưa ra yêu cầu này nên đã vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Nên HĐXX không xem xét là phù hợp pháp luật.

Mặt khác trong trường hợp này không cần thiết phải hủy giấy chứng nhận, mà chỉ cần kiến nghị UBND huyện G điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 59 và 60 ở trên.

Từ những phân tích trên xét thấy cần phải sửa bản án dân sự sơ thẩm số 12/2023/DSST ngày 18/7/2023 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất” của Tòa án nhân dân huyện G.

[3]. Về án phí: Do sửa bản án dân sự sơ thẩm nên ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Sửa bản án sơ thẩm xử; Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 39; 91, 92, 147, 155, 165, 166 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 115, 163, 164, 166, 175, 176 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 25, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị H1 về việc buộc bị đơn là ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị H2 phải trả lại 1,7 m² đất thuộc thửa đất ở số 60, tờ bản đồ số 33 tại thôn P, xã Q, huyện G, tỉnh Bắc Ninh mang tên hộ ông Nguyễn Văn K.

2. Ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị H2 được quyền sử dụng diện tích 0,15 m² đất thuộc thửa đất ở số 59, tờ bản đồ số 33 tại thôn P, xã Q, huyện G, tỉnh Bắc Ninh mang tên hộ ông Nguyễn Văn H.

Ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị H1 và ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị H2 có quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Kiến nghị UBND huyện G, tỉnh Bắc Ninh điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất số 59 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn H và thửa đất số 60 đứng tên hộ ông Nguyễn Văn K, cùng tờ bản đồ số 33, địa chỉ: thôn P, xã Q, huyện G, tỉnh Bắc Ninh theo quyết định của Tòa án.

3. Buộc ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị H2 phải phá dỡ bức tường xây ở phía Tây Nam thửa đất số 60, giáp ranh với nhà ông H, thể hiện trong trích đo hiện trạng thửa đất và tài sản trên đất ngày 11/12/2023 của Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ kỹ thuật tài nguyên và môi trường Bắc Ninh được xác định bởi các điểm 3-4-5 để trả lại quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị H1.

4. Ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị H2 tiếp tục được sử dụng diện tích 0,6 m² mái nhà trần tầng hai chõm sang khoảng không gian đất của hộ ông Nguyễn Văn H, ở phía Đông Bắc thửa đất số 59 cho đến khi nhà ông Nguyễn Văn H xây dựng, mà phần diện tích chõm sang này gây ảnh hưởng đến công trình của nhà ông Nguyễn Văn H, hoặc khi nhà ông Nguyễn Văn K sửa nhà trước khi nhà ông Nguyễn Văn H xây dựng, thì ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị H2 phá dỡ phần diện tích chõm 0,6 m² này đi.

(Theo trích đo hiện trạng thửa đất và tài sản trên đất ngày 11/12/2023 của Công ty cổ phần tư vấn dịch vụ kỹ thuật tài nguyên và môi trường Bắc Ninh kèm theo bản án).

5. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Nguyên đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 9.400.000đ. Xác nhận nguyên đơn đã nộp đủ số tiền này. Bị đơn phải chịu 15.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ lại ngày 11/12/2023, xác định nguyên đơn đã nộp tạm ứng đủ số tiền này, bị đơn phải trả lại nguyên đơn số tiền 15.000.000 đồng này.

6. Án phí: Nguyên đơn phải chịu 2.100.000 đồng án phí DSST. Xác định nguyên đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí là 2.500.000đ tại biên lai số 0006908 ngày 10/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Bị đơn được hoàn lại 400.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

Bị đơn phải chịu 850.000 đồng án phí DSST.

Ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị H1 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0007231 ngày 28/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Ngọc Sơn